**第134號議定(134/2016/ND-CP)第12條第2項草案中譯與原文**

2.確定貨物免稅之基礎

a) 繳稅人；具有在越南領土上生產出口貨物之基地；在生產基地中以進口原料、物資、零件來生產出口貨物且對其機械、設備具所有權、使用權之協助繳稅人代工之組織、個人。對於目的為加工出口之第一批貨品進口，辦理進口報關單申報前，繳稅人有責任向海關機關通知生產基地及其生產之機械設備。

倘繳稅人將部分或全部進口之原料、物資及零件交給其他在越南之組織、自然人直接生產(代工人)，然後接回產品俾出口或繼續生產，將原料、物資、零件交出去代工前，繳稅人應以書面方式通知海關機關有關代工人之名字、公司地址、生產基地地址及加工合約。

倘繳稅人出口部分或全部進口用來加工之原料、物資及零件至國外或非關稅區,然後再進口至越南用來出口或再加工出口，繳稅人對出口加工之貨物可豁免出口稅。在國外加工之貨物再進口至越南時須依照本議定第11條第1項第d目之規定繳進口稅，並對實際出口之產品獲退已繳之進口稅。在非關稅區代工之產品再進口到越南時須依本議定第22條規定繳交進口稅。

b) 進口用來生產出口產品之原料、物資及零件(包括出口到國外，非關稅區)

有關獲得免稅之原料、物資及零件金額或數量，係依越南海關法規結算有關進口用來生產出口產品之原料、物資及零件之管理及使用時，所確認為依照實際生產定量實際進口，用來生產實際出口之產品之原料、物資及零件金額或數量(包括已實際銷毀之原料、物資及零件之數量) 。

c) 結算時繳稅人有責任正確、忠實申報下列事項: (1)實際使用來生產出口產品之進口時，已獲得免稅之原料、物資、零件之金額或數量；(2)針對已獲得免稅之進口原料、物資及零件之金額或數量，未用來生產出口貨物之額度；(3)繼續用來生產出口產品之期末庫存之進口原料、物資及零件。

繳交結算報告或生產合約時間結束時(針對不須結算者或生產合約期效在結算報告時間點前結束)，依照本條第1項規定之進口用來生產出口貨物之剩餘貨物須依本條第1款d目之規定再出口或銷毀。

倘依照本條第1項規定進口用來生產出口之貨物改變其使用目的或轉售國內，須申報繳稅。海關申報人須在使用目的改變或轉售時登記新的報關單，以該進口貨物之進口稅率申報及計算稅金，計算稅金之價格係已付款實際價格或依海關法規規定之海關估價方法之價格。

2. Cơ sở để xác định hàng hóa được miễn thuế:

**a) Người nộp thuế; tổ chức, cá nhân nhận sản xuất lại cho người nộp thuế** có cơ sở sản xuất hàng hóa xuất khẩu trên lãnh thổ Việt Nam; có quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng đối với máy móc, thiết bị tại cơ sở sản xuất phù hợp với nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu. Người nộp thuế phải thực hiện **thông báo về cơ sở sản xuất, máy móc, thiết bị tại cơ sở sản xuất cho cơ quan hải quan trước khi đăng ký tờ khai nhập khẩu của lô hàng đầu tiên để thực hiện sản xuất xuất khẩu.**

**Trường hợp người nộp thuế** **đưa một phần hoặc toàn bộ nguyên liệu, vật tư, linh kiện đã nhập khẩu cho tổ chức, cá nhân khác tại Việt Nam để trực tiếp sản xuất (người nhận sản xuất lại) sau đó nhận lại sản phẩm để xuất khẩu hoặc tiếp tục sản xuất xuất khẩu thì người nộp thuế phải thực hiện thông báo bằng văn bản về tên, địa chỉ trụ sở, địa chỉ cơ sở sản xuất của người nhận sản xuất lại, hợp đồng sản xuất lại cho cơ quan hải quan trước khi đưa nguyên liệu, vật tư, linh kiện để thực hiện hợp đồng sản xuất lại.**

**Trường hợp người nộp thuế xuất khẩu ra nước ngoài hoặc khu phi thuế quan một phần hoặc toàn bộ nguyên liệu, vật tư, linh kiện đã nhập khẩu để gia công sau đó nhập khẩu trở lại Việt Nam để xuất khẩu hoặc tiếp tục sản xuất xuất khẩu thì người nộp thuế được miễn thuế xuất khẩu đối với hàng hóa xuất khẩu để gia công. Sản phẩm đặt gia công tại nước ngoài nhập khẩu trở lại Việt Nam phải nộp thuế nhập khẩu theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 11 Nghị định này và được hoàn thuế nhập khẩu đã nộp tương ứng với sản phẩm thực tế xuất khẩu. Sản phẩm đặt gia công tại khu phi thuế quan nhập khẩu trở lại Việt Nam phải nộp thuế nhập khẩu theo quy định tại Điều 22 Nghị định này.**

b) Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu được sử dụng để sản xuất **sản phẩm xuất khẩu (bao gồm xuất khẩu ra nước ngoài, khu phi thuế quan)**.

Trị giá hoặc lượng nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩuđược miễn thuế là trị giá hoặc lượng nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu thực tế được sử dụng **theo định mức thực tế sản xuất** (**bao gồm cả lượng nguyên liệu, vật tư, linh kiện thực tế đã tiêu huỷ)** để sản xuất sản phẩm thực tế xuất khẩu được xác định khi quyết toán việc quản lý, sử dụng nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất sản phẩm xuất khẩu theo quy định của pháp luật về hải quan.

c) Khi quyết toán, người nộp thuế có trách nhiệm kê khai chính xác, trung thực trị giá hoặc lượng nguyên liệu, vật tư, linh kiện **nhập khẩu** đã được miễn thuế khi làm thủ tục hải quan thực tế **được** sử dụng để sản xuất sản phẩm thực tế **xuất khẩu**; t**rị giá hoặc lượng nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu đã được miễn thuế tương ứng với sản phẩm không xuất khẩu; trị giá hoặc lượng nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu còn tồn cuối kỳ tiếp tục được sử dụng để sản xuất sản phẩm xuất khẩu.**

**Khi nộp báo cáo quyết toán hoặc hết thời hạn thực hiện hợp đồng sản xuất (đối với trường hợp không phải thực hiện quyết toán theo quy định của pháp luật hải quan hoặc hiệu lực Hợp đồng sản xuất kết thúc trước thời điểm báo cáo quyết toán), hàng hóa nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu quy định tại khoản 1 Điều này dư thừa phải tái xuất hoặc tiêu huỷ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này.**

Trường hợp **hàng hóa nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu quy định tại khoản 1 Điều này thay đổi mục đích sử dụng hoặc** chuyển tiêu thụ nội địa phải kê khai nộp thuế. **Người khai hải quan phải đăng ký tờ khai hải quan mới tại thời điểm thay đổi mục đích sử dụng hoặc chuyển tiêu thụ nội địa, kê khai và tính thuế theo mức thuế suất thuế nhập khẩu của hàng hóa nhập khẩu và trị giá tính thuế là giá thực tế đã thanh toán hay sẽ phải thanh toán được xác định theo nguyên tắc, phương pháp xác định trị giá hải quan theo quy định của pháp luật về trị giá hải quan tại thời điểm thay đổi mục đích sử dụng hoặc chuyển tiêu thụ nội địa**